

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 16 - 4 - 2026

*"V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Việt Hải

Các Thẩm phán: Bà Lê Hoài Thủy và ông Nguyễn Xuân Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 05/2026/TLPT-HNGĐ ngày 03/3/2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 02/2026/HNGĐ-ST ngày 14/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Thông báo hoãn phiên tòa số 38/2026/TB-TA ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1984, Số CCCD: 044184003321; Nơi cư trú: **Tổ dân phố P, thị trấn N, xã N, tỉnh Quảng Trị**, có mặt.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn S** (tên gọi khác **Huỳnh Phi S1**), sinh năm 1981; số CCCD: 044081001531; nơi cư trú: **Tổ dân phố P, thị trấn N, xã N, tỉnh Quảng Trị**, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn anh **Huỳnh Văn S** (**Huỳnh Phi S1**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Phạm Thị Thu H**, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Thu H** và anh **Huỳnh Văn S** (**Huỳnh Phi S1**) đã tìm hiểu nhau và được sự chấp thuận của hai bên gia đình và đã đăng ký kết

hôn vào ngày 10/8/2001 tại UBND thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ, việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian (hơn 02 năm) thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S1 thường xuyên chửi bới, xúc phạm, xem thường không tôn trọng chị H, thậm chí nhiều lúc có xâm phạm thân thể của chị H. Chị H luôn cố gắng chịu đựng vì con cái và mong anh S1 thay đổi nhưng anh S1 lại không có sự đổi thay về tính cách, cách sống mà ngày càng xem thường, không tôn trọng chị H. Chị H đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh S1 tại Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch cũ. Quá trình giải quyết ly hôn hai vợ chồng cũng đã bỏ qua những mâu thuẫn để trở lại chung sống cùng nhau nên đã thoả thuận rút đơn tại Toà án để hai bên trở về chung sống với nhau, nhưng sau đó anh S1 không có sự thay đổi về tính cách, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân hơn hai năm nay. Hiện nay, chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn anh S1 để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Thu H trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, cháu Huỳnh Phi H1, sinh ngày 29/5/2002 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi, nếu vợ chồng ly hôn cháu H1 muốn sống với ai là tùy cháu; cháu Huỳnh Phạm Nhã P và Huỳnh Quốc B cùng sinh ngày 12/3/2012. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu Huỳnh Phạm Nhã P và Huỳnh Quốc B. Chị H không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn S (Huỳnh Phi S1), trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S1 thừa nhận quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, cuộc sống chung cũng như các mâu thuẫn phát sinh trong đời sống hôn nhân vợ chồng đúng như chị H trình bày. Anh S1 thừa nhận mâu thuẫn hiện nay của vợ chồng đã trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Anh S1 cũng thừa nhận đã nhiều lần làm tổn thương tình cảm vợ chồng do anh nóng nảy lại áp lực công việc, đôi khi uống rượu dẫn đến không làm chủ được bản thân gây buồn tủi cho chị H. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh S1 mong muốn hai vợ chồng bỏ qua những mâu thuẫn để cùng nhau hàn gắn tình cảm, cùng đoàn tụ để tiếp tục xây dựng gia đình. Anh hứa sẽ bù đắp cho vợ con, không gây tổn thương vợ con nữa.

Về quan hệ con chung: Anh S1 thừa nhận vợ chồng có ba con chung như chị H khai, nhưng anh không muốn chia rẽ gia đình và con cái. Nếu Toà án giải quyết ly hôn giữa anh S1 và chị H thì anh S1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc 02 cháu **Huỳnh Phạm Nhã P** và **Huỳnh Quốc B**. Anh **S1** cũng không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Cháu **Huỳnh Phạm Nhã P** có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ, còn cháu **Huỳnh Quốc B** có nguyện vọng muốn được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Tại Bản án Hôn nhân Gia đình sơ thẩm số 02/2026/HNGĐ-ST ngày 14/01/2026 của Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị **Phạm Thị Thu H** được ly hôn anh **Huỳnh Văn S** (tên gọi khác **Huỳnh Phi S1**).

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu **Huỳnh Phạm Nhã P**, sinh ngày: 12/3/2012 cho chị **Phạm Thị Thu H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Huỳnh Quốc B**, sinh ngày 12/3/2012 cho anh **Huỳnh Văn S** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo bản án cho các đương sự.

Ngày 23/01/2026, anh **Huỳnh Văn S** (**Huỳnh Phi S1**) có đơn kháng cáo bản án. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn chị **Phạm Thị Thu H**. Vì vợ chồng vẫn còn tình cảm, muốn hàn gắn lại để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa bị đơn anh **Huỳnh Văn S** giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn chị **Phạm Thị Thu H** yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng

đã căng thẳng, đã sống ly thân, không quan tâm lo lắng gì cho nhau, nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **H** là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế cuộc sống chung của vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh **S**. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 02/2026/HNGĐ-ST ngày 14/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị. Kháng cáo của bị đơn anh **S** không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 14 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 23 tháng 01 năm 2026, bị đơn anh **Huỳnh Văn S** làm đơn kháng. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, nội dung và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn anh **S** được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh **Huỳnh Văn S**, Hội đồng xét xử thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến của các bên đương sự, thấy. Cả chị **H** và anh **S** đều thừa nhận trong cuộc sống chung vợ chồng, anh **S** thường xuyên có lời nói xúc phạm, xem thường, chửi bới thiếu tôn trọng, thậm chí có lúc còn xâm phạm thân thể của chị **H**. Chịu không nổi cuộc sống chung vợ chồng nên chị **H** đã từng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **S**, nhưng sau đó cũng vì gia đình và con cái nên chị **H** đã bỏ qua những mâu thuẫn vợ chồng để trở lại chung sống cùng nhau, nhưng anh **S** không có sự thay đổi về tính cách, vẫn chứng nào tật đó vẫn thường xuyên xúc phạm, xem thường, chửi bới không tôn trọng chị **H**, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng làm cho vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, lo lắng gì cho nhau, người nào lo công việc của người đó, nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại chung sống cùng nhau được. Vì vậy, chị **H** kiên quyết xin được ly hôn anh **S**; còn anh **S** cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị **H** nên mong muốn chị **H** bỏ qua những mâu thuẫn để vợ chồng trở lại sống chung đoàn tụ và nuôi dạy con chung, nhưng anh **S** không đưa ra được phương án gì để nhằm cải thiện mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng mà vẫn sống ly thân, không quan tâm, lo lắng gì cho nhau, người nào lo và biết công việc của người đó. Điều đó cho thấy anh **S** thiếu sự thiện chí và không có cơ sở chứng minh việc anh **S** thực sự mong muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ. Với lại, chị **H** không chấp nhận bỏ qua những mâu thuẫn giữa vợ chồng mà vẫn kiên quyết xin ly hôn anh

S. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H** và xử cho chị **H** được ly hôn anh **S** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình và điều kiện thực tế của các bên.

Về con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của chị **H**, anh **S** và các con chung thấy: Hiện nay, cháu **Huỳnh Phi H1**, sinh ngày 29/5/2002 đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên việc vợ chồng ly hôn cháu **H1** được quyền sống cùng ai là tùy lựa chọn của cháu. Còn hai cháu **Huỳnh Phạm Nhã P** và **Huỳnh Quốc B** cùng sinh ngày 12/3/2012 đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị **H** và anh **S**, nên cả chị **H** và anh **S** đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đã thể hiện sự quan tâm của cha mẹ đối với các con chung. Tuy nhiên, chị **H** và anh **S** đều có sức khỏe, công việc và thu nhập tương đương giống nhau, cháu **Nhã P** có nguyện vọng được chung sống cùng chị **H**, còn cháu **Quốc B** thì có nguyện vọng được chung sống cùng anh **S**. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử giao cháu **Nhã P** cho chị **H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu **Quốc B** cho anh **S** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân Gia đình, phù hợp với ý kiến nguyện vọng, điều kiện thực tế của các bên và các con chung.

Từ những phân tích, nhận định ở trên. Hội đồng xét xử, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh **Huỳnh Văn S**. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 02/2026/HNGĐ-ST ngày 14/01/2026 của Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn anh **Huỳnh Phi S1** không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân Gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh **Huỳnh Văn S** (**Huỳnh Phi S1**). Giữ nguyên bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 02/2026/HNGĐ-ST ngày 14/01/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị Thu H** được ly hôn anh **Huỳnh Văn S (Huỳnh Phi S1)**.

3. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu **Huỳnh Phạm Nhã P**, sinh ngày 12/3/2012 cho chị **Phạm Thị Thu H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Huỳnh Quốc B**, sinh ngày 12/3/2012 cho anh **Huỳnh Văn S (Huỳnh Phi S1)** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về quan hệ tài sản, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn anh **Huỳnh Văn S (Huỳnh Phi S1)** phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh **S1** đã nộp tại biên lai số: 0000519 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND Khu vực 1, T. Q Trị;
- VKSND Khu vực 1, T.Q Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Dương Viết Hải